

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 351/TC-QĐ-CĐKT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 1997

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và tính hao mòn tài sản cố định trong các đơn vị hành chính sự nghiệp

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ vào Luật Ngân sách Nhà nước được công bố theo Lệnh số 47L/CTN ngày 03/4/1996 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam và các văn bản hướng dẫn Luật NSNN;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/03/1993 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Để đảm bảo quản lý an toàn, có hiệu quả tài sản của Nhà nước thuộc khu vực hành chính sự nghiệp, nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý của các đơn vị HCSN;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này "Chế độ quản lý, sử dụng và tính hao mòn TSCĐ trong các đơn vị HCSN".

Chế độ này áp dụng cho tất cả các đơn vị HCSN thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc chính phủ và các Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan đoàn thể, các tổ chức xã hội do Trung ương, địa phương quản lý và các lực lượng vũ trang hoạt động bằng kinh phí do Ngân sách Nhà nước cấp phát hoặc bằng các nguồn kinh phí khác. Các đơn vị HCSN là thành viên của các doanh nghiệp (trực thuộc các Tổng công ty) nếu hoạt động bằng kinh phí do NSNN cấp, sử dụng TSCĐ của Nhà nước giao cũng là đối tượng áp dụng chế độ ban hành theo quyết định này.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ năm 1997. Những quy định trước đây về quản lý, sử dụng và tính hao mòn TSCĐ trong khu vực HCSN trái với Quyết định này đều bãi bỏ. Thực hiện chế độ ban hành theo Quyết định này tất cả các TSCĐ có trước ngày 1/1/1997, đơn vị phải: Căn cứ các số liệu trên sổ kế toán và hồ sơ của TSCĐ để xác định nguyên giá và giá trị còn lại của TSCĐ làm cơ sở lập danh mục TSCĐ theo tiêu chuẩn mới, tiếp tục theo dõi, quản lý, sử dụng các TSCĐ này theo các chỉ tiêu nguyên giá, giá trị còn lại, số hao mòn lũy kế theo đúng như quy định trong chế độ này. Những TSCĐ không đủ tiêu chuẩn theo quy định mới được chuyển sang theo dõi, quản lý, sử dụng như công cụ, dụng cụ lâu bền.

Điều 3: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, các cơ quan đoàn thể, các tổ chức xã hội ở Trung ương chịu trách nhiệm chỉ đạo, triển khai ở các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình.

Ủy ban nhân dân các Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm chỉ đạo, triển khai áp dụng ở các đơn vị HCSN trên địa bàn.

Điều 4: Cục trưởng Cục quản lý công sản, Vụ trưởng Vụ Hành chính sự nghiệp, Vụ trưởng Vụ Ngân sách Nhà nước, Vụ trưởng Vụ Chế độ kế toán, thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện và kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

CHẾ ĐỘ

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ TÍNH HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

TRONG CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 351-TC/QĐ/CĐKT,

ngày 22 tháng 5 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1 - Đối tượng, phạm vi áp dụng

Điều 1: Chế độ này áp dụng cho tất cả các đơn vị Hành chính sự nghiệp (HCSN) thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan đoàn thể, các tổ chức xã hội do Trung ương, địa phương quản lý và các lực

lượng vũ trang hoạt động bằng kinh phí do Ngân sách Nhà nước cấp phát hoặc bằng các nguồn kinh phí khác.

Các đơn vị HCSN là đơn vị thành viên của các doanh nghiệp (trực thuộc các Tổng công ty) nếu hoạt động bằng kinh phí do Ngân sách Nhà nước (NSNN) cấp và có sử dụng tài sản cố định (TSCĐ) của Nhà nước giao cũng là đối tượng bắt buộc áp dụng Chế độ này.

2 - Qui định áp dụng

Điều 2: Trong quá trình hoạt động của mình, các đơn vị HCSN thuộc phạm vi áp dụng qui định tại điều 1 phải tuân thủ nghiêm ngặt và đầy đủ mọi quy định về quản lý, sử dụng và tính hao mòn TSCĐ được quy định tại Chế độ này.

Riêng những TSCĐ đặc thù thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh sẽ do Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ quy định và chỉ được áp dụng sau khi có thoả thuận bằng văn bản của Bộ Tài chính.

TSCĐ của đơn vị HCSN sử dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, hoạt động sự nghiệp có thu (chuyên dùng hoặc sử dụng kết hợp) hoặc cho thuê (Trường hợp được phép của cơ quan Tài chính) thì tùy theo mức độ sử dụng đều phải tính, trích khấu hao theo quy định tại "Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ" (Quyết định 1062- TC/QĐ/CSTC ngày 14/11/1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

CHƯƠNG II

NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TSCĐ

1 - Tiêu chuẩn và nhận biết tài sản cố định

Điều 3: Tiêu chuẩn và nhận biết tài sản cố định hữu hình

TSCĐ hữu hình là tài sản mang hình thái vật chất, có kết cấu độc lập, hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định (nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào trong đó thì cả hệ thống không thể hoạt động được), thoả mãn đồng thời cả 2 tiêu chuẩn dưới đây:

Có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên.

Có giá trị từ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) trở lên;

Điều 4: Trong các đơn vị HCSN, một số loại TSCĐ được quy định đặc biệt như sau:

1/ Các loại tư liệu lao động sau đây có thời gian sử dụng trên một năm, nhưng không đủ tiêu chuẩn về mặt giá trị (dưới 5 triệu đồng) vẫn được quy định là TSCĐ, cụ thể bao gồm:

a - Máy móc, thiết bị, phương tiện quản lý văn phòng, như: Bộ máy vi tính, các thiết bị ngoại vi của máy vi tính (ổn áp, lưu điện,...), đầu máy Video, máy điện thoại, các dụng cụ đồ nghề dùng cho nghiên cứu học tập, máy in Lazer hoặc máy in khác (mua riêng ngoài máy vi tính), vô tuyến truyền hình, tủ lạnh, máy chữ (OPTINA, ..), máy tính (NISSA,.. ..) kết sắt, kệ sắt để tài liệu, thiết bị, dụng cụ quản lý đo lường (Các loại cân: Cân bàn, cân tiểu ly, cân điện tử,...), bộ sa lông đệm mút, bọc da (hoặc vải);....

b - Phương tiện vận tải, phương tiện đi lại công tác: Các loại xe máy (Loại có giá trị <5 triệu đồng) và phương tiện vận tải đi lại khác;

c - Dụng cụ đồ gỗ, mây, tre, đồ nhựa cao cấp: Bàn ghế, tủ tường, tủ đựng tài liệu, các loại giá để tài liệu, sách, đồ dùng,...

d - Súc vật làm việc, súc vật cho sản phẩm, súc vật cảnh: Trâu, bò, ngựa, lừa, voi, chó nghiệp vụ và các loại thú hoang dã nuôi trong các công viên, các vườn thú.

đ - Các bộ sách quý về chuyên môn, khoa học, lịch sử,.. ở các Viện nghiên cứu, thư viện, bảo tàng,...

e - Các tài liệu, bản đồ,.. điều tra, khảo sát, quy hoạch, đo đạc thăm dò tài nguyên quốc gia phải lưu trữ, lưu giữ hộ Nhà nước.

g - Các tác phẩm nghệ thuật, các di vật lịch sử, các vật kỷ niệm, lưu niệm,... có giá trị lịch sử và nghệ thuật cao.

h - Các loại sách, tài liệu phục vụ cho công tác chuyên môn của từng đơn vị.

i - Các loại nhà tranh, tre, nứa lá, như: Lớp học của trường phổ thông, nhà làm việc,.. Các vật kiến trúc bằng các loại vật liệu, như: Tường rào, cống thoát nước, kè, sân, hè , bồn hoa,...

2/ Các tư liệu lao động sau đây mặc dù có đủ tiêu chuẩn về giá trị (từ 5 triệu đồng trở lên) nhưng dễ hỏng, dễ vỡ nên không coi là TSCĐ:

Các đồ dùng bằng thủy tinh, bằng sành sứ... (trừ các dụng cụ thí nghiệm, nghiên cứu khoa học)

Các Bộ, Ngành, Tổ chức đoàn thể - xã hội ở Trung ương và Sở Tài chính các Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm quy định cụ thể danh mục các TSCĐ quy định đặc biệt

và chỉ được thực hiện khi có ý kiến nhất trí bằng văn bản của Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản).

Điều 5: Cách xác định đối tượng ghi cho một loại TSCĐ có tính đặc thù làm căn cứ theo dõi, quản lý, ghi chép trên sổ kế toán TSCĐ:

Đối với các hệ thống mà gồm có nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ, liên kết với nhau, trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và có chức năng hoạt động độc lập, đồng thời có sự đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản thì mỗi bộ phận tài sản đó được coi là một đối tượng ghi TSCĐ độc lập.

Đối với súc vật làm việc, súc vật cảnh hoặc cho sản phẩm, thì từng con súc vật được coi là một đối tượng ghi tài sản cố định.

Đối với vườn cây lâu năm thì từng mảnh vườn cây (hoặc lô cây) được coi là một đối tượng ghi TSCĐ.

Điều 6: TSCĐ vô giá bao gồm các tài sản đặc biệt, không thể đánh giá được giá trị, nhưng yêu cầu đòi hỏi phải quản lý chặt chẽ về mặt hiện vật (như: Các cổ vật, các bộ sách cổ, hiện vật trưng bày trong bảo tàng, lăng tẩm,...).

Các Bộ, Ngành, tổ chức đoàn thể - xã hội ở Trung ương và Sở Tài chính các Tỉnh, Thành phố có trách nhiệm lập danh mục các TSCĐ vô giá và báo cáo cho Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản)

Điều 7: Tiêu chuẩn và nhận biết tài sản cố định vô hình

Mọi khoản chi phí thực tế đơn vị HCSN đã chi ra có liên quan đến hoạt động của đơn vị nếu thoả mãn đồng thời cả 2 tiêu chuẩn của TSCĐ mà không hình thành tài sản cố định hữu hình thì được coi là tài sản cố định vô hình. Nếu khoản chi phí này không đồng thời thoả mãn cả hai tiêu chuẩn đó thì không ghi tăng TSCĐ vô hình.

2 - Phân loại TSCĐ

Điều 8: TSCĐ trong đơn vị HCSN chủ yếu được phân loại theo kết cấu, nhằm mục đích xác định tỷ trọng các loại TSCĐ ở từng đơn vị, đồng thời làm căn cứ tổng hợp theo phân loại chung của toàn nền kinh tế quốc dân. Theo cách phân loại này, TSCĐ của đơn vị HCSN bao gồm các loại:

a/ Nhà cửa, vật kiến trúc, gồm: